

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

34-TỈNH VĨNH LONG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	34.01.01	Toán	14.500	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
2	34.01.13	Toán	14.000	K.Khích	12	THPT chuyên Bến Tre
3	34.01.14	Toán	14.500	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
4	34.01.18	Toán	19.000	Ba	11	THPT chuyên Bến Tre
5	34.01.30	Toán	15.000	K.Khích	12	THPT Lê Hoài Đôn
6	34.02.01	Vật lí	11.750	K.Khích	11	THPT chuyên Bến Tre
7	34.02.06	Vật lí	11.500	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
8	34.02.14	Vật lí	12.750	K.Khích	12	THCS và THPT Phú Quới
9	34.02.15	Vật lí	12.750	K.Khích	12	THPT chuyên Bến Tre
10	34.02.21	Vật lí	10.750	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
11	34.02.24	Vật lí	11.000	K.Khích	11	THPT chuyên Bến Tre
12	34.02.28	Vật lí	23.750	Nhì	12	THPT chuyên Bến Tre
13	34.02.30	Vật lí	11.750	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
14	34.03.06	Hoá học	15.375	K.Khích	11	THPT chuyên Bến Tre
15	34.03.08	Hoá học	14.625	K.Khích	11	THPT chuyên Bến Tre
16	34.03.09	Hoá học	16.500	K.Khích	11	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
17	34.03.10	Hoá học	22.750	Nhì	12	THPT chuyên Bến Tre
18	34.03.14	Hoá học	15.750	K.Khích	12	THPT chuyên Bến Tre
19	34.03.15	Hoá học	22.875	Nhì	12	THPT chuyên Bến Tre
20	34.03.17	Hoá học	18.250	K.Khích	11	THPT chuyên Bến Tre
21	34.03.20	Hoá học	14.625	K.Khích	11	THPT chuyên Bến Tre
22	34.03.22	Hoá học	22.125	Ba	11	THPT Lê Hoài Đôn
23	34.03.23	Hoá học	15.375	K.Khích	11	THPT Lê Hoài Đôn
24	34.03.29	Hoá học	20.750	Ba	11	THPT chuyên Bến Tre
25	34.04.01	Sinh học	22.750	Nhì	11	THPT chuyên Bến Tre
26	34.04.03	Sinh học	23.750	Nhì	12	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
27	34.04.14	Sinh học	18.000	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
28	34.04.18	Sinh học	21.750	Ba	12	THPT Hựu Thành

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

34-TỈNH VĨNH LONG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	34.04.19	Sinh học	22.500	Nhì	12	THPT chuyên Bến Tre
30	34.04.20	Sinh học	19.000	K.Khích	11	THPT Tân Lược
31	34.04.25	Sinh học	19.750	K.Khích	11	THPT chuyên Bến Tre
32	34.04.27	Sinh học	21.500	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
33	34.04.28	Sinh học	18.000	K.Khích	11	THPT chuyên Bến Tre
34	34.05.06	Tin học	14.316	K.Khích	12	THPT Lê Hoài Đôn
35	34.05.15	Tin học	16.050	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
36	34.05.17	Tin học	13.350	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
37	34.05.23	Tin học	12.390	K.Khích	12	THPT chuyên Bến Tre
38	34.05.28	Tin học	16.620	Ba	11	THPT Chê Ghê-va-ra
39	34.06.01	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Bến Tre
40	34.06.05	Ngữ văn	12.250	K.Khích	12	THPT chuyên Bến Tre
41	34.06.18	Ngữ văn	12.250	K.Khích	12	THCS và THPT Phú Quới
42	34.06.22	Ngữ văn	12.750	Ba	12	THPT Nguyễn Đáng
43	34.06.21	Ngữ văn	15.500	Nhất	12	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
44	34.06.23	Ngữ văn	12.250	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
45	34.06.24	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
46	34.06.27	Ngữ văn	12.250	K.Khích	11	THPT Mang Thít
47	34.06.29	Ngữ văn	12.750	Ba	11	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
48	34.07.02	Lịch sử	14.250	K.Khích	12	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
49	34.07.12	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT chuyên Bến Tre
50	34.07.18	Lịch sử	17.000	Nhì	12	THPT chuyên Bến Tre
51	34.07.19	Lịch sử	16.250	Nhì	12	THCS-THPT Đông Thành
52	34.07.20	Lịch sử	15.500	Ba	12	THPT Nguyễn Thông
53	34.07.21	Lịch sử	16.750	Nhì	11	THPT chuyên Bến Tre
54	34.07.24	Lịch sử	14.500	K.Khích	12	THPT Lưu Văn Liệt
55	34.07.25	Lịch sử	16.750	Nhì	12	THPT Phạm Hùng
56	34.07.26	Lịch sử	14.750	K.Khích	12	THPT chuyên Bến Tre

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

34-TỈNH VĨNH LONG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
57	34.07.29	Lịch sử	16.750	Nhì	12	THPT chuyên Bến Tre
58	34.07.30	Lịch sử	14.500	K.Khích	11	THPT Lưu Văn Liệt
59	34.08.02	Địa lí	13.250	K.Khích	11	THPT chuyên Bến Tre
60	34.08.19	Địa lí	13.500	K.Khích	12	THPT Dương Háo Học
61	34.08.23	Địa lí	14.250	Ba	12	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
62	34.08.28	Địa lí	13.000	K.Khích	12	THPT Vĩnh Xuân
63	34.08.30	Địa lí	13.250	K.Khích	12	THPT chuyên Bến Tre

Danh sách này gồm 63 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

34-TỈNH VĨNH LONG

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	34.09.02	Tiếng Anh	3.70	3.60	4.90	1.40	13.600	K.Khích	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
2	34.09.07	Tiếng Anh	3.50	2.60	5.50	1.50	13.100	K.Khích	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
3	34.09.08	Tiếng Anh	3.50	2.70	5.30	1.40	12.900	K.Khích	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
4	34.09.10	Tiếng Anh	3.50	3.60	5.20	1.30	13.600	K.Khích	THPT Trần Đại Nghĩa
5	34.09.11	Tiếng Anh	3.40	3.90	5.20	1.40	13.900	Ba	THPT chuyên Bến Tre
6	34.09.16	Tiếng Anh	3.40	3.10	4.90	1.40	12.800	K.Khích	THPT chuyên Bến Tre
7	34.09.21	Tiếng Anh	3.60	3.60	5.10	1.60	13.900	Ba	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
8	34.09.22	Tiếng Anh	3.60	4	5.20	1.50	14.300	Ba	THPT chuyên Bến Tre
9	34.09.24	Tiếng Anh	3.20	3.30	5	1.30	12.800	K.Khích	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
10	34.09.28	Tiếng Anh	4	4.40	6.20	1.50	16.100	Nhất	THPT chuyên Bến Tre
11	34.09.29	Tiếng Anh	3.70	3.90	5.60	1.40	14.600	Nhì	THPT chuyên Bến Tre

Danh sách này gồm 11 thí sinh